TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **83**/2025/DS-ST
Ngày: 22/8/2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 , TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Tám**

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Nguyễn Như Dzoãn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2025/TLST- DS ngày 29/4/2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXX- ST ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp C1, xã T, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã C2, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn*: 1. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị M (N), sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp T1, xã T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 25/4/2025 và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là anh Nguyễn Thanh H1 trình bày: Do quen biết, ngày 12/8/2023 ông H cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M vay 100.000.000đ, làm biên nhận thỏa thuận miệng lãi suất 5% một

tháng, trong hạn 6 tháng, đến ngày 15/12/2023 ông H đưa tiền cho vợ chồng anh S, chị M góp vốn đặt cọc mua lúa bán lấy lời nhưng do giá lúa giảm ông H đề nghị bán để thu hồi vốn, vợ chồng anh S, chị M không đồng ý theo yêu cầu của ông H nhưng rồi tự ý bán không thông qua ý kiến của ông H, đến ngày 15/01/2024 anh S làm biên nhận nợ tiền cọc lúa ông H là 274.000.000đ, từ đó đến nay nhiều lần ông H yêu cầu vợ chồng anh S, chị M trả lại tiền vốn vay 100.000.000đ và 274.000.000đ tiền ông góp vào mua lúa, tổng cộng 374.000.000đ nhưng vợ chồng anh S, chị M hứa hẹn đến nay không thực hiện.

Nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M trả cho ông H số tiền 374.000.000đ làm một lần.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng anh S, chị M không ghi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*" theo quy định khoản 9 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S, chị M theo quy định khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đại diện nguyên đơn trình bày, ngày 12/8/2023 ông H cho vợ chồng ông S, chị M vay 100.000.000đ, làm biên nhận thỏa thuận miệng lãi suất 5% một tháng, trong hạn 6 tháng, đến ngày 15/12/2023 ông H đưa tiền góp vốn cho vợ chồng anh S, chị M đặt cọc mua lúa, do giá lúa giảm ông H đề nghị bán để thu hồi vốn, vợ chồng anh S, chị M không đồng ý mà tự ý bán không qua ý kiến của ông H, đến ngày 15/01/2024 anh S làm biên nhận nợ tiền cọc lúa ông H là 274.000.000đ, từ đó đến nay mặc dù nhiều lần ông H yêu cầu vợ chồng anh S, chị M thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, anh S, chị M vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản" đã thật sự phát sinh theo quy định Điều 463, 166 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M trả cho ông H tổng số tiền 374.000.000đ làm một lần, chứng cứ ông H cung cấp là giấy mượn tiền ngày ngày 12/8/2023 âm lịch có nội dung: *"...Tôi tên Nguyễn Thị N. Ngụ tại Ấp H2 xã P C-TG cùng chồng Nguyễn Thanh S. Ngụ tại Ấp H2 xã P C-TG. Đồng ý có hỏi của Bác Ba H với số tiền là : 1000.000.000..."* biên nhận có chữ ký tên của anh S, chị M và một giấy có nội dung: " *15/1/2024 S có nợ tiền cọc lúa Đông xuân TCộng 274.000.000đ...*" do anh S ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh S, chị M ký tên vay tiền là có thật, đối với biên nhận nợ tiền cọc lúa mặc dù anh S ký tên nhưng anh S, chị M là vợ

chồng cùng làm ăn nên chị M phải có nghĩa vụ cùng anh S trả nợ là phù hợp theo quy định Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Còn bị đơn anh S, chị M đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng không ghi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cố tình vắng mặt không lý do, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích được pháp luật quy định nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với ông Nguyễn Văn H sinh năm 1954 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 166 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H

Buộc anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 374.000.000đ (Ba trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị M phải chịu 18.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc